

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 1300/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-4-2024

V/v Tranh chấp ly hôn và tranh
chấp về xác định cha con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh P - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2815/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về xác định cha con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Trúc Q, sinh năm 1986

Nơi thường trú: Căn hộ 12.19 khối A3 chung cư T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Ngô Sĩ T, sinh năm 1986

Nơi thường trú: Căn hộ 12.19 khối A3 chung cư T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Trúc Q trình bày:*

Bà và ông Ngô Sĩ T tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 164/2012, quyển số 01/2012, ngày 11/12/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến đầu năm 2021, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà và ông T bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Hai bên đã nhiều lần tạo cơ hội dung hòa mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Từ cuối năm 2021, bà và ông T không còn quan tâm, chăm sóc và trách nhiệm với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ tháng 10 năm 2023 đến nay, bà đã dọn ra ngoài sống riêng. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà xác định quá trình sống chung giữa bà và ông T có 01 người con chung tên Ngô Sỹ T1, sinh ngày 05/7/2015. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ngô Sỹ T1, vì từ khi bà và ông T không còn sống chung, thì bà là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con. Hơn nữa, trẻ Ngô Sỹ T1 bị chậm phát triển ngôn ngữ nên cần được chăm sóc tốt hơn những đứa trẻ khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2023 bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng. Tuy nhiên, nay bà Q đề nghị thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, theo đó bà Q chỉ yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Bà Q xác định vợ chồng bà có tài sản chung nhưng hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Bà Q xác định không có.

Đối với yêu cầu xác định cha, con: Bà Q xác định vào ngày 18/6/2023, bà có sinh 01 bé trai tại Bệnh viện T2. Mặc dù, bé trai được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Q và ông T nhưng bà xác định đây không phải là con chung của hai vợ chồng. Bà không cung cấp thông tin cha ruột của đứa bé là ai. Bà chỉ đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xác định bé trai, sinh ngày 18/6/2023 theo Giấy chứng sinh quyển số 180623, số TT: 31423-DV ngày 18/6/2023 của Bệnh viện Từ Dũ do bà sinh ra không phải là con ruột của ông Ngô Sĩ T.

Bà Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, bà Q không có yêu cầu nào khác.

* *Bị đơn ông Ngô Sĩ T trình bày:* Ông T xác định quá trình tiến tới hôn nhân đúng như ý kiến trình bày của bà Trương Trúc Q. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến khoảng năm 2021 thì bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc mâu thuẫn là do bà Q đã có quan hệ tình cảm và có con riêng với người khác trong thời kỳ hôn nhân với ông. Từ tháng 10 năm 2023 đến nay, bà Q đã tự ý dọn đồ và tách ra ngoài sống riêng. Kể từ đó, hai bên không còn quan tâm, chia sẻ gần bó trách nhiệm với nhau. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Q.

Về con chung: Ông T xác định quá trình chung sống, giữa ông và bà Q có 01 người con chung tên Ngô Sỹ T1, sinh ngày 05/7/2015. Ông xác định thời điểm hai vợ chồng không còn sống chung kể từ tháng 10/2023 đến nay thì bà Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Ngô Sỹ T1. Khi ly hôn bà Q yêu cầu được nuôi con thì ông đồng ý giao con chung Ngô Sỹ T1 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con Ngô Sỹ T1 mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Ông T xác định không có.

Đối với yêu cầu xác định cha con: Bà Q yêu cầu xác định bé trai sinh ngày 18/6/2023 theo Giấy chứng sinh quyển số 180623, số TT: 31423-DV ngày 18/6/2023 của Bệnh viện T2 do bà Q sinh ra không phải là con ruột của ông thì ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định dựa trên kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự tại TP . Hồ Chí Minh. Ông không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến vấn đề này.

Ông T đồng ý việc bà Q tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, ông T không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trương Trúc Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Ngô Sĩ T giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự: các đương sự chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn và xác định cha con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Ngô Sĩ T cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với yêu cầu ly hôn:

Bà Trương Trúc Q và ông Ngô Sĩ T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 164/2012, quyển số 01/2012 ngày 11/12/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà Q yêu cầu được ly hôn với ông T: Xét thấy, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, hai vợ chồng cần có sự yêu thương, quan tâm, cùng nhau chia sẻ, vun đắp gia đình. Tuy nhiên, bà Q và ông T cùng xác nhận trong quá trình chung sống từ năm 2021 hai bên có phát sinh mâu thuẫn, mặc dù ông bà có cố gắng dung hòa mâu thuẫn để hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Kể từ tháng 10 năm 2023 đến nay, ông T và bà Q đã không còn sống chung, không còn quan tâm, gắn bó trách nhiệm với nhau. Căn cứ lời trình bày của các đương sự, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay, bà Q yêu cầu được ly hôn và ông T đồng ý ly hôn nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Căn cứ lời khai của các đương sự và giấy khai sinh số 347-2015, quyển số 02-2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 28/7/2015, có đủ cơ sở xác định bà Trương Trúc Q và ông Ngô Sĩ T có 01 người con chung tên Ngô Sỹ T1, sinh ngày 05/7/2015. Bà Q và ông T cùng thống nhất xác định kể từ tháng 10/2023 đến nay bà Q đang là người trực tiếp nuôi con. Nay bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi con Ngô Sỹ T1 và ông Ngô Sĩ T đồng ý giao con cho bà Q nuôi dưỡng. Để đảm bảo không gây xáo trộn cuộc

sống và ổn định tâm lý của trẻ nên việc giao con cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng sẽ phù hợp và thuận lợi hơn cho sự phát triển toàn diện về mọi mặt của con và việc các đương sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Đây là sự tự nguyện của ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà Q và ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Q và ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2]. Đối với yêu cầu xác định cha con:

Theo bà Q trình bày vào ngày 18/6/2023, bà có sinh 01 bé trai tại Bệnh viện T2. Mặc dù bé trai được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Q và ông T nhưng bà xác định đây không phải là con chung của hai vợ chồng.

Tại Kết luận giám định số 942/KL-KTHS ngày 29/02/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Ông Ngô Sĩ T và bé trai nêu trên không có quan hệ huyết thống cha – con.

Như vậy, lời khai của các đương sự phù hợp với Kết luận giám định số 942/KL-KTHS ngày 29/02/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh nên có đủ cơ sở xác định bé trai do bà Trương Trúc Q sinh ra (sinh vào lúc 12 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 6 năm 2023 theo Giấy chứng sinh số TT: 31423-DV, quyền số: 180623, cấp ngày 18/6/2023, nơi cấp: Bệnh viện T2) không phải là con ruột của ông Ngô Sĩ T. Do đó, căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 88; 89; 91; 101; 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Trúc Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc xác định cha con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Khoản 4 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84; 88; 89; 91; 101; 102; 107; 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Trúc Q:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Trúc Q được ly hôn với ông Ngô Sĩ T.

Về con chung: Giao con chung tên Ngô Sỹ T1, sinh ngày 05/7/2015 cho bà Trương Trúc Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Sĩ T về việc cấp dưỡng nuôi con Ngô Sỹ T1 mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật, thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trương Trúc Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Ngô Sĩ T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông T còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

1.2. Xác định bé trai do bà Trương Trúc Q sinh ra (sinh vào lúc 12 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 6 năm 2023 theo Giấy chứng sinh số TT: 31423-DV, quyền số: 180623, cấp ngày 18/6/2023, nơi cấp: Bệnh viện T2) không phải là con ruột của ông Ngô Sĩ T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Trúc Q chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về xác định cha con; được căn trừ vào số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000745 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Trúc Q còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Đoàn